

Số: 09/2026/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024, (vụ án do Toà án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên thụ lý khi chưa sáp nhập).

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lộc Như X1, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Xóm Th1, xã Tr1, huyện Đ1, (nay là xóm Th1, xã Tr1), tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Lộc Mạnh S1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm Th1, xã Tr1, huyện Đ1, (nay là xóm Th1, xã Tr1), tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phùng Thị Đ1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Xóm Th1, xã Tr1, huyện Đ1, (nay là xóm Th1, xã Tr1), tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Trịnh Lan H1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm Th1, xã Tr1, huyện Đ1, (nay là xóm Th1, xã Tr1), tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn và bà Phùng Thị Đ1: Ông Đàm Văn Ch1, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm Tân Tiến, xã Đ1, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lộc Như X1: Ông Đồng Huy H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tò 7, phường Ph2, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lộc Mạnh S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Lan H1: Ông Bùi D1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm Th1, xã Tr1, huyện Đ1, (nay là xóm Th1, xã Tr1), tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung vụ án: Ông Lộc Mạnh S1 và bà Trịnh Lan H1 trả lại cho ông Lộc Như X1 và bà Phùng Thị Đ1 diện tích khoảng 361,7m² loại đất rừng sản xuất (RST) thuộc thửa 257 tờ bản đồ 29 bản đồ xã Tr1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên nay là xã Tr1, tỉnh Thái Nguyên có vị trí 1-2-3-4-5-b-a-n-12-13-G-H-14-15-L-17-1 (*Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo*); Ông Lộc Mạnh S1 và bà Trịnh Lan H1 chịu trách nhiệm thu hoạch toàn bộ cây cối (cây keo, cây chè) của ông S1 và bà Hương đã trồng trên đất thuộc vị trí 1-2-3-4-5-b-a-n-12-13-G-H-14-15-L-17-1, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Ông Lộc Như X1 và bà Phùng Thị Đ1 được quyền sử dụng phần diện tích 4110,8 (Bốn nghìn một trăm mười phẩy tám) m² loại đất rừng sản xuất (RST) thuộc thửa 257 tờ bản đồ 29 bản đồ xã Tr1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên nay là xã Tr1, tỉnh Thái Nguyên có vị trí b-a-n-12-13-G-H-14-15-L-17-M-N-47-46-R-44-43-A-32-31-30-29-28-8-d-7-6-c-b. (*Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

Các đương sự ông Lộc Như X1, bà Phùng Thị Đ1, ông Lộc Mạnh S1, bà Trịnh Lan H1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (nếu có).

2.2. Về án phí:

- Ông Lộc Như X1 và bà Phùng Thị Đ1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Ông Lộc Mạnh S1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

2.3. Về chi phí tố tụng: Phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá) và đã chi phí xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thu Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).